

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình và giao nhiệm vụ đào tạo

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3636/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy chế đào tạo thạc sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về mở ngành và điều chỉnh chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Nhật Bản học (mã số: 8310613).

Điều 2. Giao cho Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Nhật Bản học theo đúng Quy chế đào tạo thạc sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội, các quy định hiện hành có liên quan và chương trình đào tạo kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Trước khi khóa đầu tiên tốt nghiệp, chương trình đào tạo phải được đánh giá chất lượng; sau khi khóa đầu tiên tốt nghiệp, chương trình đào tạo phải được kiểm định theo quy định của Luật Giáo dục đại học.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Đào tạo, Trưởng Ban Kế hoạch Tài chính, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Giám đốc ĐHQGHN (để b/c);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c);
- Lưu: VT, ĐT, Y5.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Hoàng Hải

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU**

NGÀNH: NHẬT BẢN HỌC

MÃ SỐ : 8310613

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2178 /QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 06 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:

+ Tiếng Việt: Nhật Bản học

+ Tiếng Anh: Japanese Studies

- Mã số ngành đào tạo: 8310613

- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

- Thời gian đào tạo: 02 năm.

- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:

+ Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Nhật Bản học

+ Tiếng Anh: The Master in Japanese Studies

- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN).

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ở trình độ thạc sĩ có kiến thức chuyên môn sâu, rộng, tiên tiến về Nhật Bản, có năng lực vận dụng sáng tạo kiến thức vào hoạt động thực tiễn có liên quan đến Nhật Bản, có khả năng thiết kế, xây dựng, tư vấn hoặc trực tiếp thực hiện việc giải quyết vấn đề hay quản lý các chương trình dự án liên quan đến Nhật Bản, đáp ứng được yêu cầu công việc tại các trường đại học, viện nghiên cứu, cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức phi chính phủ, phi lợi nhuận, các doanh nghiệp.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình được thiết kế để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có:

- Khả năng vận dụng sáng tạo hệ thống lý thuyết khu vực học, phương pháp nghiên cứu liên ngành và kiến thức chuyên môn về Nhật Bản;
- Khả năng áp dụng thành thạo, linh hoạt các kỹ năng hoạt động nghề nghiệp để tổ chức hoạt động nghiên cứu, giải quyết vấn đề có liên quan đến Nhật Bản, hay tư vấn, tham gia hoạch định chính sách có liên quan đến Nhật Bản.
- Có năng lực ngoại ngữ tiếng Nhật hoặc tiếng Anh để lý giải, phân tích tư liệu nghiên cứu, trao đổi học thuật với các chuyên gia trong và ngoài nước.
- Có tinh thần thượng tôn pháp luật, thái độ hợp tác, ý thức củng cố mối quan hệ giữa hai nước Việt Nam-Nhật Bản.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển.

3.2. Đối tượng tuyển sinh

3.2.1. Về văn bằng:

Có bằng tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp, đồng thời yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu.

Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

3.2.2. Về năng lực ngoại ngữ

Có năng lực ngoại ngữ tiếng Nhật từ bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; hoặc có năng lực ngoại ngữ tiếng Anh từ bậc 3 trở lên và năng lực tiếng Nhật từ bậc 2 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Năng lực ngoại ngữ tiếng Nhật và/hoặc tiếng Anh được minh chứng bằng một trong các loại văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành Ngôn ngữ Nhật hoặc Sư phạm tiếng Nhật, hoặc Ngôn ngữ Anh hoặc Sư phạm tiếng Anh; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng tiếng Nhật hoặc tiếng Anh (trừ khối kiến thức chung);

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do các đơn vị đào tạo trong ĐHQGHN cấp trong thời gian không quá 02 năm tính đến ngày đăng ký dự tuyển với điều kiện thí sinh sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Nhật hoặc tiếng Anh theo đúng yêu cầu của ĐHQGHN để xét và công nhận tốt nghiệp trình độ đại học;

c) Chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Nhật đạt trình độ tương đương bậc 3 trở lên, hoặc

chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh đạt trình độ tương đương bậc 3 và chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Nhật đạt trình độ tương đương bậc 2 trở lên, trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ ngoại ngữ đến ngày đăng ký dự tuyển, được cấp bởi các cơ sở tổ chức thi chứng chỉ ngoại ngữ được Bộ Giáo dục và Đào tạo và ĐHQGHN công nhận.

d) Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài phải đạt trình độ tiếng Việt từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ tiếng Nhật hoặc tiếng Anh theo quy định của chương trình đào tạo.

3.2.3. Điều kiện khác

- Có lý lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Có đủ sức khỏe để học tập;
- Đáp ứng các yêu cầu khác của ĐHQGHN.

3.3. Danh mục các ngành phù hợp

- Gồm các ngành thuộc cùng nhóm ngành với ngành Nhật Bản học;
- Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Nhật Bản học, và xác định các học phần bổ sung tương ứng (nếu cần), đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành; báo cáo ĐHQGHN trước khi tuyển sinh và chịu trách nhiệm về việc đánh giá chuyên môn này.

3.5. Dự kiến quy mô tuyển sinh

Theo chỉ tiêu được ĐHQGHN cấp hàng năm (dự kiến 20-25 học viên/ 1 năm).

Kế hoạch tuyển sinh chi tiết được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh, hướng dẫn tuyển sinh sau đại học hàng năm của ĐHQGHN, và đề án tuyển sinh của đơn vị được ĐHQGHN phê duyệt (nếu có).

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

1.1. Kiến thức chung

PLO 1. Đánh giá các vấn đề nghiên cứu dựa trên thế giới quan, phương pháp luận triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử.

1.2. Kiến thức cơ sở ngành/chuyên ngành

PLO 2. Tổng kết, thảo luận về các vấn đề nghiên cứu liên quan đến Nhật Bản bằng lý thuyết liên ngành và kiến thức thực tiễn sâu, rộng, tiên tiến về Nhật Bản.

PLO 3. Đánh giá một cách khách quan về một số lĩnh vực nghiên cứu chuyên sâu liên quan đến Nhật Bản.

1.3. Nghiên cứu khoa học

PLO 4. Tổ chức được khung lý thuyết để triển khai đề tài nghiên cứu khoa học

PLO 5. Viết ra được kế hoạch nghiên cứu trình bày theo quy chuẩn khoa học.

1.4. Yêu cầu đối với luận văn thạc sĩ

- Đóng góp về lý luận, học thuật về một chủ đề liên quan tới Nhật Bản; thể hiện năng lực nghiên cứu của học viên;

- Phù hợp với các chuẩn mực về văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của người Việt Nam; là nghiên cứu của chính học viên, tường minh và hợp pháp trong việc sử dụng kết quả, trích dẫn tài liệu của người khác; bảo đảm liêm chính học thuật và các quy định hiện hành của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

2.1. Kỹ năng chuyên môn

PLO 6. Đánh giá, phản biện, phân tích vấn đề liên quan đến Nhật Bản một cách toàn diện, khách quan và đề xuất phương pháp giải quyết;

PLO 7. Dự đoán tác động của những vấn đề của Nhật Bản có thể xảy ra với Việt Nam trong tương lai, cũng như đề xuất, xây dựng các phương án giải quyết một cách khoa học trên cơ sở những bài học kinh nghiệm rút ra từ trường hợp của Nhật Bản.

PLO 8. Truyền đạt tri thức (thuyết trình, phản biện, thảo luận, giảng dạy, trình bày nghiên cứu khoa học) về Nhật Bản dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với các nhà nghiên cứu Nhật Bản học trong và ngoài nước.

2.2. Kỹ năng khác

PLO 9. Kết nối, tổ chức nhóm làm việc để giải quyết vấn đề có liên quan đến Nhật Bản.

PLO 10. Quản lý và triển khai một đề tài/đề án nghiên cứu một cách độc lập.

PLO 11. Quản lý thời gian, phân bổ công việc, sử dụng công nghệ thông tin trong hoạt động chuyên môn và nghề nghiệp.

PLO 12. Có năng lực tiếng Nhật tương đương bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc áp dụng cho Việt Nam; hoặc năng lực tiếng Anh tương đương bậc 4/6 và tiếng Nhật tương đương bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc áp dụng cho Việt Nam trong công tác chuyên môn, nghiên cứu và tiếp cận thông tin có liên quan đến Nhật Bản. (Người học sử dụng tiếng Anh để dự tuyển cần chủ động tự

nâng cao năng lực tiếng Nhật để đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu ra về ngoại ngữ của chương trình đào tạo).

3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

PLO 13. Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng.

PLO 14. Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác.

PLO 15. Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn.

PLO 16. Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

PLO 17. Tuân thủ pháp luật, trung thành với Tổ quốc, tuân thủ kỷ luật, quy định của tổ chức, cơ quan; trung thực, thẳng thắn, tôn trọng người khác, có tinh thần hợp tác.

PLO 18. Trách nhiệm, làm việc chuyên nghiệp, khoa học, có tư duy phản biện, sáng tạo; có thái độ liêm chính học thuật và tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ; hợp tác tích cực trong nghiên cứu và giảng dạy.

PLO 19. Tôn trọng tính đa dạng, thể hiện ý thức xây dựng cộng đồng, cống hiến cho cộng đồng.

4. Vị trí việc làm mà học viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Nhật Bản học, người học có thể sử dụng các kiến thức, kỹ năng được đào tạo để tham gia và đảm nhiệm ở nhiều vị trí khác nhau.

- Tham gia giảng dạy, nghiên cứu tại các trường đại học, viện nghiên cứu;
- Làm việc tại các cơ quan ban ngành của Chính phủ, địa phương;
- Làm việc tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nói chung, doanh nghiệp Nhật Bản nói riêng tại Việt Nam hoặc làm việc tại nước ngoài;
- Làm việc tại các tổ chức phi chính phủ, tổ chức phi lợi nhuận, các dự án phát triển;
- Mở và tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân;
- Tham gia các dự án hợp tác nghiên cứu giữa Việt Nam và Nhật Bản.

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Có khả năng tự tìm tòi và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động thực tiễn tại cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp;

- Có khả năng tự học tập, tự nghiên cứu về các vấn đề lý luận và thực tiễn có liên quan đến Nhật Bản;

- Học viên sau khi tốt nghiệp thạc sĩ ngành Nhật Bản học có thể học tiếp lên bậc học tiến sĩ tại Việt Nam và nước ngoài, đi nghiên cứu chuyên sâu ở nước ngoài.

PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ của CTĐT:	62 tín chỉ , trong đó:
- Khối kiến thức chung :	09 tín chỉ
- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành:	26 tín chỉ
+ Bắt buộc	6 tín chỉ
+ Tự chọn	20 tín chỉ/44 tín chỉ
- Nghiên cứu khoa học:	27 tín chỉ
+ Chuyên đề nghiên cứu:	12 tín chỉ
+ Luận văn thạc sĩ:	15 tín chỉ

2. Khung chương trình

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				LT ⁽¹⁾	TH, TN, TL ⁽²⁾	TT, NC, TH có KTĐG ⁽³⁾	
I. Khối kiến thức chung			9				
1	PHI5002	Triết học <i>Philosophy</i>	4	60			
2	Ngoại ngữ* (chọn một trong hai ngoại ngữ) <i>Foreign Languages</i>		5				
	ENG5001	Tiếng Anh B2 <i>English B2</i>	5	75			
	OLC5001	Tiếng Nhật B2 <i>Japanese B2</i>	5	75			
II. Khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành			26				
II.1. Các học phần bắt buộc			6				
3	JPN6001	Phương pháp luận nghiên cứu Nhật Bản <i>Theories and Methodologies in Japanese Studies</i>	3	30	30	90	
4	JPN6002	Xử lý tư liệu nghiên cứu Nhật Bản <i>Analysis of sources in Japanese Studies</i>	3	30	30	90	
II.2. Các học phần tự chọn			20/44				
5	JPN6003	Nhật Bản truyền thống <i>Traditional Japan</i>	4	45	30	125	
6	JPN6004	Nhật Bản cận hiện đại <i>Modern Japan</i>	4	45	30	125	
7	JPN6005	Quan hệ Việt Nam-Nhật Bản trong bối cảnh Đông Á <i>Vietnam-Japan's relationship in the context of East Asia</i>	4	45	30	125	

* Số tín chỉ của học phần ngoại ngữ cơ bản được tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo nhưng không tính vào điểm trung bình chung tích lũy.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				LT ⁽¹⁾	TH, TN, TL ⁽²⁾	TT, NC, TH có KTĐG ⁽³⁾	
8	JPN6006	Các vấn đề ngoại giao-an ninh của Nhật Bản <i>Issues of Japanese diplomacy and security</i>	4	45	30	125	
9	JPN6007	Pháp luật và Chính trị Nhật Bản <i>Law and Politics of Japan</i>	4	45	30	125	
10	JPN6008	Các vấn đề kinh tế Nhật Bản <i>Issues of Japanese Economy</i>	4	45	30	125	
11	JPN6009	Tôn giáo trong xã hội Nhật Bản hiện đại <i>Religion in Modern Japanese society</i>	4	45	30	125	
12	JPN6010	Giáo dục tiếng Nhật <i>Japanese Language Education</i>	4	45	30	125	
13	JPN6011	Các trường phái văn học Nhật Bản <i>Schools of Japanese Literature</i>	4	45	30	125	
14	JPN6012	Mỹ học và nghệ thuật Nhật Bản <i>Aesthetics and Arts of Japan</i>	4	45	30	125	
15	JPN6013	Văn hoá Nhật Bản đương đại <i>Contemporary Japanese Culture</i>	4	45	30	125	
III. Nghiên cứu khoa học			27				
III.1. Chuyên đề nghiên cứu (CĐNC)			12				
16	JPN6014	CĐNC I: Xác định câu hỏi nghiên cứu và xây dựng đề cương nghiên cứu <i>Research Topic I: Develop Research Question and Research Plan</i>	4	15	45	140	
17	JPN6015	CĐNC II: Phương pháp viết luận văn nghiên cứu <i>Research Topic II: Research Paper Writing</i>	4	15	45	140	
18	JPN6016	Seminar nghiên cứu khoa học <i>Research Seminar</i>	4	15	45	140	
III.2. Luận văn thạc sĩ			15				
19	JPN7001	Luận văn Thạc sĩ <i>Master Thesis</i>	15	0	30	720	
Tổng cộng			62				

Lưu ý: Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá; đối với hoạt động dạy trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

(1): Lí thuyết

(2): Thực hành, Thí nghiệm, Thảo luận

(3): Thực tập, Nghiên cứu, Tự học có kiểm tra đánh giá